

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK8+RP2	7:25	17+4+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	
2		C10+TD3+RC5	9:25	15+5+1	0+0+0		12+3+7	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD1 - BK8 - RP2	CREW: Linh - ĐNam - QTrường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1	86	1	4		79	KHOAN	Russian
2	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1	78	1	4		102	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	76	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DANH QUY	TD1					73	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN DUY	TD1	77	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀN	TD1	75	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	84-85	2	7		81	KHOAN	Vietnamese
8	TRÌNH CAO TRỌNG	TD1	82	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	83	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG CUƠNG	TD1	72	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG XUÂN THI	TD1	81	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG MINH	TD1	71	1	12		91	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BỘ	TD1	79-80	2	25		69	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN ĐÀU	TD1	73-74	2	21		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐẠO	TD1	87	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ XUÂN HIỀN	TD1	88	1	13	10	60	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC NINH	TD1	91	1	11	10	80	PSV	Vietnamese
18	LÊ HỒNG LINH	BK8	46	1	7	101	81	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG HIỆU	BK8	49-50	2	12	20	78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HUY	BK8	48	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ CHÍ CÔNG	BK8	47	1	11		53	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	19	145	1.278	20	11		
2	BK8	4	5	45	290	121	8		
3	RP2	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	24	190	1.568	141	22		
WEIGHT KG				190	1.568	141			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: CLO - TD3 - RC5	CREW: Linh - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	04	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
2	VLASOV ALEKSANDR	CLO	01	1	6		92	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	07	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
4	VU THE NANG	CLO	09	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	CLO	02	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG KIM DUONG	CLO	05	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN LONG	CLO	03	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN LY	CLO	06	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH ĐỨC TIỀN	CLO	12	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN TRỌNG	CLO	11	1	13		72	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM NAM HAI	CLO	08	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO NGUYỄN GIAP	CLO	16-17	2	17	12	78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG KHANH	CLO	19	1	10		75	ĐANG KIE	Vietnamese
14	TRẦN VĂN NGŨ	CLO	14-15	2	15		83	T-TIN	Vietnamese
15	HOANG VAN THAM	CLO	13	1	19		63	T-TIN	Vietnamese
16	BUI VAN QUYET	TD3	03	1	14		90	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ANH TUẤN	TD3	01-02	2	14		70	DVL	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD3	06-07	2	19	50	82	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TỊNH	TD3	04-05	2	19		65	DVL	Vietnamese
20	VU VAN TRUNG	TD3	08	1	19	15	78	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN HOANG PHUC	RC5	95-96	2	19		83	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	15	17	132	1.117	12	12		
2	TD3	5	8	85	385	65	3		
3	RC5	1	2	19	83	0	7		
TOTAL		21	27	236	1.585	77	22		
WEIGHT KG				236	1.585	77			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+P11+CTK3	7:25	2+0+18	0+0+0		0+3+16	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ tất máy CTK3-3h, 13 nguoi ctk3 về trong ngày



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/04/2024	TO: TD5 - P11 - CTK3(+3h)	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - HIEU	ETA: 12:30
XANH-1+ VIP			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	JERRY REPETOWSKI	TD5	41	1	15		118	PVDWS/HA	Canadian
2	MUHAMMAD QAMAR ABBAS	TD5	42	1	10		95	PVDWS/HA	Pakistan
3	ĐINH TRUNG KIEN	CTK3	/			60	70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYEN PHAM HA	CTK3					54	D-HANH	Vietnamese
5	PHAN THANH GIANG	CTK3					66	D-HANH	Vietnamese
6	BUI XUAN THANH	CTK3					69	D-HANH	Vietnamese
7	TRAN HAU VUONG	CTK3					69	D-HANH	Vietnamese
8	PHAM THI KIEU OANH	CTK3					55	D-HANH	Vietnamese
9	VU NGOC ANH	CTK3					63	D-HANH	Vietnamese
10	TRAN THI MY HANH	CTK3					52	D-HANH	Vietnamese
11	VU THI THANH MAI	CTK3					49	D-HANH	Vietnamese
12	DUONG THI BICH TRAM	CTK3					53	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYEN THI TUONG VI	CTK3					47	D-HANH	Vietnamese
14	PHAM MINH TUAN	CTK3					69	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO THI MEN	CTK3	88	1	2		74	ANTOAN	Vietnamese
16	TRAN VIET HUNG	CTK3	83-84	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN MANH	CTK3	91	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN DINH HUNG	CTK3	85-86	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM VAN HUNG	CTK3	87	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
20	LE NGOC ANH	CTK3	89-90	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	2	25	213	0	0		
2	P11	0	0	0	0	0	3		
3	CTK3	18	9	84	1.156	75	16		
TOTAL		20	11	109	1.369	75	19		
WEIGHT KG				109	1.369	75			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/04/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+RP3+TD2	7:25	1+11+10	0+0+0		0+9+13	0+0+0	chuyen 1 p4- rp3chuyen 1 rp3-td2
2		TD1+RP3	7:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
3		RP3	9:25	22	0		22	0	
4		TD2+CLO	9:25	5+17	0+0		3+19	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2024	TO: P4 - RP3 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHải - VTHU - dững	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BAO TOÀN	P4	94	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
2	FIRSOV EVGENII	RP3	52-53	2	9		149	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	RP3	56-57	2	11		85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	55	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN BÌNH	RP3	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH TINH	RP3	54	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN PHAN	RP3	63	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẬU CAO KHANG	RP3	62	1	6		53	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY LINH	RP3	61	1	6		97	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ THANH NGỌC	RP3	58	1	9		48	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HẬU	RP3	51	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HIỆP	RP3	59	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
13	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	94	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
14	GONCHAROV SERGEY	TD2	92	1	11		100	KHOAN	Russian
15	TRUÔNG THANH TÙNG	TD2	91	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
16	LY ANH TUẤN	TD2	95	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	98	1	4	66	54	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN HÙNG HÙNG	TD2	90	1	2		97	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	97-98	2	13		74	KHOAN	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TUẤN	TD2	96	1	5		77	CODIEN	Vietnamese
21	HOANG MINH TUẤN	TD2	88	1	14		76	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ XUÂN HAI	TD2	89	1	13		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	1	10	80	0	0 + 1		CHUYEN 01 PAX P4-RP3
2	RP3	11	13	76	840	0	9 + 1		CHUYEN 01 PAX RP3-TD2
3	TD2	10	11	73	794	66	13		
TOTAL		22	25	159	1.714	66	22		
WEIGHT KG				159	1.714	66			

GRAND TOAL: 1.939 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: TD1 - RP3	CREW: Linh - N.ANH - N.Nam	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUY TOAN	TD1	71	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
2	LE BA PHUONG	TD1	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN GIANG	TD1	67	1	3	25	69	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN DAT	TD1	78	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG TUAN ANH	TD1	76	1	14		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THUC	TD1	66	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	DUONG MINH DUC	TD1	69	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	DO MINH DUNG	TD1	73	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN QUY	TD1	72	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	THAI DUC TOAN	TD1	83	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
11	LUU THIEN DUC	TD1	65	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
12	HO VAN HAU	TD1	64	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM MINH TRONG	TD1	68	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH LUAN	TD1	77	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
15	HA MINH TUAN	TD1	62	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN THUAT	TD1	79-80	2	16		75	DVL	Vietnamese
17	MAI VAN DUONG	TD1	81	1	12	19	75	DVL	Vietnamese
18	LUONG NGOC HOANG	TD1	90	1	9		73	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VO DINH DUY.	TD1	74-75	2	20		77	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUONG	RP3	50-51	2	14		75	CODIEN	Vietnamese
21	IURI SERPOV	RP3	52-53	2	19		83	NOVOME	Russian
22	EVGENII MALYGIN	RP3	54-55	2	20		88	NOVOME	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	21	151	1,317	44	19		
2	RP3	3	6	53	246	60	3		
TOTAL		22	27	204	1,563	104	22		
WEIGHT KG				204	1,563	104			

GRAND TOAL: 1.871 KGS (1871 Kgs)

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP3	CREW: Linh - N.ANH - N.Nam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANTON ZHUKOV	RP3	79-80	2	20		75	NOVOME	Russian
2	SERGEY STOLIAROV	RP3	96-97	2	20		103	NOVOME	Russian
3	PHAN VAN THANH	RP3	61	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGO HONG GIANG	RP3	62	1	14		72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC TUAN	RP3	60	1	8	18	77	KHOAN	Vietnamese
6	VU DUC THANH	RP3	68	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	KUSHENKO N.	RP3	92-93	2	14		80	KH-THAC	Russian
8	PHUNG HA TAI	RP3	66	1	5		110	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	RP3	95	1	4	63	71	CODIEN	Vietnamese
10	VU NGOC TU	RP3	93	1	14	35	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DONG	RP3	200	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC KHOI	RP3	78	1	17		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN MINH TUAN	RP3	90	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC BINH	RP3	65	1	15		70	DVL	Vietnamese
15	VU HONG QUANG	RP3	64	1	9		73	PSV	Vietnamese
16	LE DUC THIEN	RP3	94	1	6		61	PSV	Vietnamese
17	TA PHI KHANH	RP3	77	1	8		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUONG	RP3	67	1	3		75	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN HUU MANH	RP3	63	1	5	5	70	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN NGHIEM VU	RP3	69-70	2	11		74	KHI	Vietnamese
21	TRAN NGOC NHAT	RP3	73-74	2	10	18	70	KHI	Vietnamese
22	LE HOANG NGHIA	RP3	71-72	2	10		66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	28	227	1.633	139	22		
TOTAL		22	28	227	1.633	139	22		
WEIGHT KG				227	1.633	139			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2024	TO: TD2 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHải - VTHU - dững	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY DUNG	TD2	04	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NINH	TD2	07-08	2	13		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG LONG	TD2	06	1	14		84	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG MINH THUONG	TD2	05	1	9		62	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HOANG	TD2				116	83	CODIEN	Vietnamese
6	SUKHOMLIN IGOR	CLO	48	1	16		125	KHOAN	Russian
7	ĐẶNG DUY LY	CLO	84	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	CLO	85-86	2	14		61	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN QUYNH	CLO	54-55	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRUONG SINH	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUU THANG	CLO	83	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH XUAN PHU	CLO	56	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRUONG HUU PHUOC	CLO	78	1	4		62	YTE	Vietnamese
14	PHAN QUANG HIEN	CLO	52	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	CLO	74-75	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH NGOC GIANG	CLO	79-81	3	18		78	KHOAN	Vietnamese
17	BUI XUAN DUY	CLO	82	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	51	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	BUI TRAN NAM	CLO	76-77	2	14		67	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ VĂN TUÂN	CLO	53	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LUC	CLO	50	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUY DONG	CLO	49	1	3	18	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	5	39	374	116	3		
2	CLO	17	22	128	1.233	18	19		120 KG HANG CLO-VT
TOTAL		22	27	167	1.607	134	22		
WEIGHT KG				167	1.607	134			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN